

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên.

Bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 295/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1977.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Lô 20.123 KĐT T, phường M, thành phố H1, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Đức D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số 11/3 đại lộ B, thành phố H1, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đặng Thị H** trình bày: Chị và anh **Lê Đức D** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố H1, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh D. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần, cãi vã không thể nói chuyện được với nhau. Nguyên nhân là do anh D không có quan điểm lập trường sống, không biết bảo vệ vợ con. Sau đó anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh có liên lạc về nhà, nhưng do vợ chồng đã có những rạn nứt từ trước, hơn nữa do khoảng cách về địa lý và công việc nên anh không liên lạc về nhà nữa. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Đức H2, sinh ngày 25/11/2000 và Lê Đăng Q, sinh ngày 04/9/2005. Hiện các con đang ở với chị, con Lê Đức H2 đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con Lê Đăng Q cho đến khi thành niên (tròn 18 tuổi) và chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đỗ Thị H3 (là mẹ đẻ anh D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh D vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D biết. Thông qua gia đình, anh D trình bày quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, chị H có đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Khi ly hôn anh nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung là Lê Đăng Q cho đến khi con thành niên, con chung Lê Đức H2 đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà H3 xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H có đơn xin ly hôn, bà đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Con chung của chị H và anh D là Lê Đăng Q có nguyện vọng được ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Đặng Thị H ly hôn anh Lê Đức D. Về con chung: Giao con chung Lê Đăng Q cho chị H nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu 300.000đ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Lê Đức D có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở số 11/3 đại lộ B,

thành phố H1, tỉnh Hải Dương, hiện anh D đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh D và gia đình đã thông báo cho anh D biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh D. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Lê Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố H1, tỉnh Hải Dương ngày 26/11/1999 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không có tiếng nói chung. Anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau, vợ chồng sống xa cách trong thời gian dài, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Thông qua gia đình, anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị H, anh D có hai con chung là Lê Đức H2, sinh ngày 25/11/2000 và Lê Đăng Q, sinh ngày 04/9/2005, hiện các con đang ở với chị H. Con Lê Đức H2 đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H đề nghị được nuôi dưỡng con chung Lê Đăng Q cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Con Lê Đăng Q có nguyện vọng được ở với chị H. Anh D đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao con chung Lê Đăng Q cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H ly hôn anh Lê Đức D.
2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Đặng Q, sinh ngày 04/9/2005 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004644 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Đức D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Thanh Bình, thành phố H1, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)